

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12-02-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực

Ông Hà Phương Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2024 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Nguyên vào năm 1994, bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn S tự nguyện chung sống với nhau tại ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn bà M và ông S chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ tháng 09/2024 đến nay. Trong thời gian chung sống bà M và ông S

có một người con chung là Huỳnh Văn K, sinh ngày 30/3/1996. Về tài sản chung và nợ chung, bà M và ông S không có.

Tại phiên tòa bà Trần Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn S. Về con chung: Con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn S: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S, nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, từ năm 1994 bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa bà M và ông S do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ giữa bà M và ông S không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn S.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn S có một người con chung tên là Huỳnh Văn K, sinh ngày 30/3/1996. Hiện con đã thành niên, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị M xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông Huỳnh Văn S không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn S.

2/ Về con chung: Bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn S có một người con chung tên là Huỳnh Văn K, sinh ngày 30/3/1996. Hiện con đã thành niên, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Trần Thị M xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006720 ngày 05/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Huỳnh Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà

